

UNIT 9:**NATURAL DISASTERS****SKILLS 1****I/ NEW WORDS:**

1.slight /slaɪt/	(adj): nhẹ, yếu ớt
2. shake-shook- shaken /ʃeɪk/ /ʃʊk/ /'ʃeɪ.kən/	(v): rung, lắc
3. layer /'leɪ.ər/	(n): lớp, tầng đất
4. ash /æʃ/	(n): tro, tàn
5.pacific ocean /pə'sɪf.ɪk/'əʊ.ʃən/	(n): Thái Bình Dương
6.tsunami /tsu:'nɑ:.mi/	(n): sóng thần
7. frightened/'fraɪ.tənd/	(adj): hoảng sợ
8.tremble /'trem.bəl/	(v): rung , lắc
9. fear /fɪər/	(v,n):(sự) sợ hãi
10.miss	(v): bỏ lỡ, nhớ, nhớ